

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	09
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin về Công ty

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHIT ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày 14 tháng 09 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Cao Duy Hà	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Chu Thế Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Nguyễn Thành Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên HĐQT	
Bà Nguyễn Lê Trà My	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2016
Bà Phan Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Đào Đình Trinh	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Hoàng Ngọc Thạch	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Phó Giám đốc
Bà Vũ Quế Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hoan	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Bà Đỗ Thị Hạnh	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2016
Bà Đào Hương Lan	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Đỗ Xuân Phúc	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 3.539.01. Quyển số.....SCT/BS

Ngày 14 tháng 9 năm 2017



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thúy Hòa

Số: 0104 /2017/BCKT – VNASC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017 của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận của các khoản công nợ người mua trả tiền trước, đồng thời chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng với giá trị là 340.752.123 đồng. Các thủ tục thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi các cơ sở hợp lý để đưa ra ý kiến về các khoản mục công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016:

- a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016; và
- b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 (bốn) bộ bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật giữ 03 (ba) bộ, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC giữ 01 (một) bộ

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC



Nguyễn Văn Quý

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

số: 3364 - 2015 - 123 - 1

Vũ Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán

số: 0577 - 2016 - 123 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+120+130+140+150)	100		8.921.627.518	7.150.503.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		442.159.653	609.424.695
1. Tiền	111	5	442.159.653	609.424.695
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.472.698.933	1.601.232.757
1. Phải thu của khách hàng	131	6	2.542.161.471	1.693.882.581
2. Trả trước cho người bán	132	7	11.000.000	-
3. Các khoản phải thu khác	138	9.1	44.537.462	42.350.176
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(125.000.000)	(135.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		5.328.417.902	4.342.451.010
1. Hàng tồn kho	141	11	5.328.417.902	4.342.451.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		678.351.030	597.395.421
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		200.924.234	109.266.086
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	152	8	448.835.583	457.329.335
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	28.591.213	30.800.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240)	200		15.069.755.268	14.799.022.769
I. Tài sản cố định	210	14	11.470.593.013	14.512.694.950
1. Nguyên giá	211		25.425.775.109	30.132.051.752
2. Giá trị hao mòn lũy kế	212		(14.576.636.641)	(15.619.356.802)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213	16	621.454.545	-
II. Bất động sản đầu tư	220	15	3.405.153.672	-
1. Nguyên giá	221		5.115.367.552	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	222		(1.710.213.880)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230		-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	240		194.008.583	286.327.819
1. Phải thu dài hạn	241	9.2	27.722.454	-
2. Tài sản dài hạn khác	248	13	166.286.129	286.327.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		23.991.382.786	21.949.526.652

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		7.140.146.856	4.142.053.480
I. Nợ ngắn hạn	310		6.219.171.736	4.135.425.149
2. Phải trả người bán	312	17	5.114.386.127	2.724.264.957
3. Người mua trả tiền trước	313	18	89.092.190	100.920.190
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	138.541.548	252.145.200
5. Phải trả người lao động	315		247.951.386	220.776.342
6. Chi phí phải trả	316	20	275.418.083	480.725.000
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318	21	75.876.219	263.690.689
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		212.251.638	175.501
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	22	65.654.545	92.727.270
II. Nợ dài hạn	330		920.975.120	6.628.331
1. Vay và nợ dài hạn	331	23	920.000.000	-
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338	24	975.120	6.628.331
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.851.235.930	17.807.473.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	16.851.235.930	17.807.473.172
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25.1	15.710.000.000	15.710.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		309.397.035	309.397.035
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417	25.2	831.838.895	1.788.076.137
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		23.991.382.786	21.949.526.652

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan



Nguyễn Thành Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

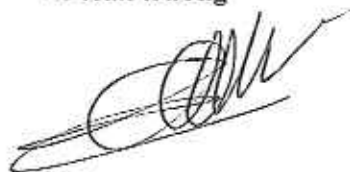
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	15.763.724.689	19.563.189.875
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		15.763.724.689	19.563.189.875
4 Giá vốn hàng bán	11	27	11.764.112.973	15.159.363.716
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.999.611.716	4.403.826.159
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	7.874.872	14.180.558
7 Chi phí tài chính	22	29	28.010.280	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.264.376	-
8 Chi phí quản lý kinh doanh	25	30	3.243.866.502	3.036.147.069
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		735.609.806	1.381.859.648
10 Thu nhập khác	31	31	368.415.774	287.642.857
11 Chi phí khác	32	32	42.500.489	125.953.800
12 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		325.915.285	161.689.057
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.061.525.091	1.543.548.705
14 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	51	34	229.686.196	349.981.171
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		831.838.895	1.193.567.534
16 Lãi/lỗ năm trước chuyển sang			1.788.076.137	1.188.346.603
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	529,50	759,75
18 Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế			(1.788.076.137)	(593.838.000)
19 Lợi nhuận lũy kế			831.838.895	1.788.076.137

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan



Nguyễn Thành Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

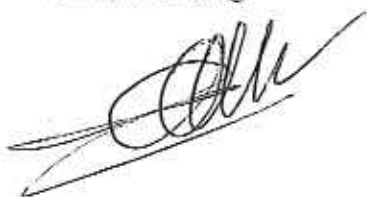
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13.510.124.339	14.845.462.338
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.587.491.980)	(7.280.687.152)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.639.045.056)	(2.644.961.152)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(12.346.293)	-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(347.894.352)	(214.065.063)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		115.706.997	208.387.398
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.137.944.454)	(4.726.488.007)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(98.890.799)	187.648.362
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43.573.655)	(79.307.400)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.874.872	14.180.558
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(35.698.783)	(65.126.842)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền thu từ đi vay	33		920.000.000	-
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(415.001.460)	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(537.674.000)	(584.010.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(32.675.460)	(584.010.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(167.265.042)	(461.488.480)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		609.424.695	1.070.913.175
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		442.159.653	609.424.695

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan



Nguyễn Thành Sơn

BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	51.585.884	-	4.732.353.197	4.724.114.906	59.824.175	-
112	Tiền gửi Ngân hàng	557.838.811	-	15.671.353.011	15.846.856.344	382.335.478	-
131	Phải thu của khách hàng	1.693.882.581	100.920.190	17.484.122.717	16.624.015.827	2.542.161.471	89.092.190
133	Thuế GTGT được khấu trừ	109.266.086	-	935.012.868	843.354.720	200.924.234	-
141	Tạm ứng	26.000.000	-	1.000.000	20.000.000	7.000.000	-
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	4.800.000	-	34.045.455	17.254.242	21.591.213	-
152	Nguyên liệu, vật liệu	1.715.730.257	-	11.971.772.275	11.153.667.396	2.533.835.136	-
153	Công cụ, dụng cụ	2.748.042	-	76.719.954	76.362.506	3.105.490	-
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.612.893.590	-	11.842.064.853	11.663.481.167	2.791.477.276	-
154.7	Giấy mang đi quay cắt	11.079.121	-	11.663.481.167	11.663.481.167	-	-
155	Thành phẩm	-	135.000.000	-	(10.000.000)	-	125.000.000
159	Các khoản dự phòng	-	-	409.090.909	5.115.367.552	25.425.775.109	-
211	Tài sản cố định	30.132.051.752	-	5.115.367.552	-	5.115.367.552	-
217	Bất động sản đầu tư	-	15.619.356.802	1.710.213.880	667.493.719	-	14.576.636.641
2141	Hao mòn tài sản cố định	-	-	-	1.710.213.880	-	1.710.213.880
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-	621.454.545	-	621.454.545	-
241	Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	28.457.509	148.499.199	166.286.129	-
242	Chi phí trả trước dài hạn	286.327.819	-	415.001.460	415.001.460	-	-
311	Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
331	Phải trả cho người bán	-	2.724.264.957	7.892.805.802	10.271.926.972	11.000.000	5.114.386.127
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	457.329.335	252.145.200	2.955.070.062	2.849.960.162	448.835.583	138.541.548
33311	Thuế GTGT đầu ra	-	-	1.588.671.131	1.588.671.131	-	-
3334	Thuế TNDN	-	252.145.200	347.894.352	229.686.196	-	133.937.044

Mã TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
3335	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	32.080.984	36.685.488	-	4.604.504
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	457.329.335	-	983.423.595	991.917.347	448.835.583	-
3338	Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
334	Phải trả người lao động	-	220.776.342	2.969.922.884	2.997.097.928	-	247.951.386
335	Chi phí phải trả	-	480.725.000	562.743.818	357.436.901	-	275.418.083
338	Phải trả, phải nộp khác	42.350.176	363.046.290	7.467.128.196	7.216.678.050	72.259.916	142.505.884
341	Vay dài hạn	-	-	-	920.000.000	-	920.000.000
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	175.501	5.000.000	217.076.137	-	212.251.638
411	Nguồn vốn kinh doanh	-	15.710.000.000	-	-	-	15.710.000.000
418	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	309.397.035	-	-	-	309.397.035
421	Lợi nhuận chưa phân phối	-	1.788.076.137	1.788.076.137	831.838.895	-	831.838.895
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	15.763.724.689	15.763.724.689	-	-
515	Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	7.874.872	7.874.872	-	-
632	Giá vốn hàng bán	-	-	11.764.112.973	11.764.112.973	-	-
635	Chi phí tài chính	-	-	28.010.280	28.010.280	-	-
642	Chi phí quản lý kinh doanh	-	-	3.243.866.502	3.243.866.502	-	-
711	Thu nhập khác	-	-	368.415.774	368.415.774	-	-
811	Chi phí khác	-	-	42.500.489	42.500.489	-	-
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	229.686.196	229.686.196	-	-
911	Xác định kết quả kinh doanh	-	-	16.140.015.335	16.140.015.335	-	-
	Tổng cộng	37.703.883.454	37.703.883.454	158.151.795.460	158.151.795.460	40.403.233.307	40.403.233.307

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ KHOA HỌC KỸ THUẬT



Kế toán trưởng

Phạm Văn Hoan

Nguyễn Thành Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHTT ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày ngày 14 tháng 09 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng vốn điều lệ: 15.710.000.000 VND (Mười lăm tỷ, bảy trăm mười triệu đồng chẵn).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất in ấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Dịch vụ chế bản điện tử và các dịch vụ thương mại khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh mua bán các loại vật tư thiết bị phục vụ trong ngành in; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị ngành in; In các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, tem nhãn, bao bì, các biểu mẫu thống kê, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác quản lý kinh tế, quản lý hành chính theo đúng quy định của pháp luật;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Công ty có chu kỳ kinh doanh 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán thành phẩm, tiền gia công hàng hoá cho đơn vị khác; Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Tại ngày 31/12/2016 Công ty có trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty được đánh giá theo chi phí nguyên liệu chính của sản phẩm.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành tương đương.

Tại ngày 31/12/2016 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- o Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- o Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- o Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị dụng cụ, quản lý	05 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà, một phần của nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- Tòa nhà điều hành 5 tầng (1500 m²) tại số 101 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội.
- Tòa nhà 3 tầng (118,5 m²) tại số 101 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Tòa nhà 120 (196 m²) Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- 209 m² nhà 4 tầng (4255 m²) Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm nay (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng cho thuê được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 02 năm đến 03 năm. Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về tiền đặt cọc đồng phục của người lao động, tiền trợ cấp ốm đau thai sản của bảo hiểm xã hội cho người lao động, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Tại ngày 31/12/2016 Công ty không trích lập dự phòng phải trả.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay; chi phí phải trả cho người bán, trích trước chi phí tiền lương, trong đó:

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của Chủ sở hữu, được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi (lỗ) sau thuế TNDN và tình hình xử lý lãi (lỗ) của Công ty.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: Giá thành sản xuất của sản phẩm, giá vốn của khấu hao bất động sản đầu tư.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí chào hàng, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có sẽ được trình bày trong Báo cáo tài chính. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt - VND	59.824.175	51.585.884
Tiền gửi ngân hàng - VND	382.335.478	557.838.811
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đống Đa - TK 1289532	101.858.629	325.818.159
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội - TK 26646	8.161.205	44.813.378
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hà Nội - TK 7345	272.315.644	187.207.274
Tổng cộng	442.159.653	609.424.695

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty BB Phú Hưng: Nhân đậu Xanh	85.286.426	85.286.426
Tạp chí Bờ và Biển: Tạp chí	83.443.000	83.443.000
Tạp chí biển Việt Nam: Tạp chí	29.508.000	29.508.000
Công ty TNHH Đào Trọng: Sách	8.243.800	8.243.800
Công ty Quảng cáo Ánh Sáng: In báo cáo	31.750.000	31.750.000
Nhà sách Bách Quyên: Sách	20.446.000	20.446.000
Công ty Cổ phần PHS Khoa học KT: Văn bản	15.347.840	15.347.840
CN NXB Hà Nội - Xí nghiệp In và Dịch vụ Thương mại	125.000.000	135.000.000
Xí nghiệp Giấy Đạt Tiến Lễ	29.712.800	29.712.800
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	14.548.000	30.896.000
Nhà xuất bản Phụ nữ	178.700.000	558.700.000
Công ty TNHH Tài Tâm	41.250.000	-
Văn phòng Bộ Y tế	-	96.400.000
Xí nghiệp In báo Nhi đồng	29.057.055	29.057.055
Công ty In và Sản xuất Bao bì Hà Nội	7.957.202	7.957.202
Công ty TNHH Bao bì Duy Quân	40.524.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và công nghiệp PP	60.621.000	-
Công ty Cổ phần TT và dịch vụ TM LT	71.500.000	-
Lê Thị Bằng	30.088.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và PT Giáo dục Hà Nội	458.775.800	-
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Bắc	299.460	5.669.959
Tổng Công ty Điện Lực Hà Nội	998.250.000	526.464.499
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	181.853.088	-
Tổng cộng	2.542.161.471	1.693.882.581

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC	11.000.000	-
Tổng cộng	11.000.000	-

8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	448.835.583	457.329.335
Tổng cộng	448.835.583	457.329.335

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
9.1 Phải thu khác ngắn hạn - Dư Nợ TK 338	44.537.462	42.350.176
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	9.007.770	9.007.770
Ôm đầu thai sản	2.964.481	5.305.959
Thu BHXH 11,5%	27.342.055	26.006.963
Thu các Công ty thuê nhà	5.223.156	2.029.484
9.2 Phải thu khác dài hạn - Dư Nợ TK 338	27.722.454	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	23.540.379	-
Công ty CP đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	4.182.075	-

10 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
CN NXB Hà Nội - Xí nghiệp In và Dịch vụ Thương mại (100%)	(125.000.000)	(135.000.000)
Tổng cộng	(125.000.000)	(135.000.000)

11 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.533.835.136	1.715.730.257
Công cụ, dụng cụ	3.105.490	2.748.042
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.791.477.276	2.623.972.711
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	5.328.417.902	4.342.451.010

12 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	7.000.000	26.000.000
Đoàn Xuân Khu	3.000.000	3.000.000
Ngô Xuân Thọ	1.000.000	-
Nguyễn Văn Hợi	3.000.000	13.000.000
Vũ Quốc Toàn	-	10.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	21.591.213	4.800.000
Tổng cộng	28.591.213	30.800.000

13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2016
CCDC chờ phân bổ	286.327.819	35.133.946	155.175.636	166.286.129
Tổng cộng	286.327.819	35.133.946	155.175.636	166.286.129

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B 09 - DNN

14 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
- Số dư ngày 01/01/2016	14.889.652.179	14.236.323.316	890.208.857	115.867.400	30.132.051.752	
- Mua trong năm	-	409.090.909	-	-	409.090.909	
- Giảm khác	(5.115.367.552)	-	-	-	(5.115.367.552)	
- Số dư ngày 31/12/2016	9.774.284.627	14.645.414.225	890.208.857	115.867.400	25.425.775.109	
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2016	3.752.711.082	10.947.806.268	881.682.442	37.157.010	15.619.356.802	
- Khấu hao trong năm	297.793.056	348.326.052	8.526.415	12.848.196	667.493.719	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	(1.710.213.880)	-	-	-	(1.710.213.880)	
- Số dư ngày 31/12/2016	2.340.290.258	11.296.132.320	890.208.857	50.005.206	14.576.636.641	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	11.136.941.097	3.288.517.048	8.526.415	78.710.390	14.512.694.950	
Tại ngày 31/12/2016	7.433.994.369	3.349.281.905	-	65.862.194	10.849.138.468	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.793.231.264 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
- Số dư ngày 01/01/2016	-	-
- Tăng khác	5.115.367.552	5.115.367.552
- Số dư ngày 31/12/2016	5.115.367.552	5.115.367.552
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư ngày 01/01/2016	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	1.710.213.880	1.710.213.880
- Số dư ngày 31/12/2016	1.710.213.880	1.710.213.880
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 31/12/2016	3.405.153.672	3.405.153.672

16 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Máy vào bia keo nhiệt	390.000.000	-
Máy khâu chỉ	195.000.000	-
Cước vận chuyển + công tháo lắp	36.454.545	-
Tổng cộng	621.454.545	-

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Giấy Hà Nội	146.016.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.510.552.848	-
Công ty Cổ phần Hóa chất và TB An Hùng Minh	10.693.148	15.997.582
Công ty Cổ phần In Long Thịnh	434.500.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại PP	54.694.374	95.514.597
Công ty Cổ phần SIC	300	2.016.300
Công ty TNHH Bao bì Duy Quân	15.431.783	12.767.912
Công ty TNHH Mạnh Hùng	648.502.034	219.675.500
Công ty TNHH Thành Thái	144.320.000	45.100.000
Công ty TNHH Thương mại An Thành	63.712.000	22.552.530
DNTN Nguyễn Xuân Hương	14.136.091	7.068.046
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.756.488.477	1.887.910.830
Xí Nghiệp Giấy Long An	315.338.672	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Sản xuất AIIP	-	177.059.694
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Môi trường An Phú	-	44.385.000
Công ty Cổ phần In Báo chí	-	1.147.947

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần In Hà Nội	-	150.540.740
Công ty Cổ phần Thương hiệu Quốc gia	-	4.369.981
Công ty Cổ phần Thương mại Sơn Ngân	-	4.199.800
Công ty TNHH Giấy và Sản xuất Ngọc Diệp	-	5.030.998
Công ty TNHH MTV Quân đội 1	-	20.130.000
Công ty TNHH SX và TM Long Trà	-	6.077.500
Nhà xuất bản Phụ nữ	-	2.720.000
Tổng cộng	5.114.386.127	2.724.264.957

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hữu Việt	1.100.000	1.100.000
Công ty CP In Hà Nội	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Văn hoá Đông A	1.234.000	1.234.000
Công ty TNHH Nam Thanh	5.000.000	5.000.000
Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	45.575.240	45.575.240
Phạm Ngọc Hà	1.000.000	1.000.000
Phạm Ngọc Sương	20.000.000	20.000.000
Phòng Thị trường	763.950	763.950
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	13.419.000	13.419.000
Vũ Bá Thành	-	3.828.000
Công ty TNHH KPMG	-	8.000.000
Tổng cộng	89.092.190	100.920.190

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.937.044	252.145.200
Thuế thu nhập cá nhân	4.604.504	-
Tổng cộng	138.541.548	252.145.200

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước CP Thuê gia công theo hợp đồng	-	232.400.000
Công ty CP Văn hóa Hà Nội	-	116.400.000
Công ty CP Truyền thông và Dịch vụ Thương mại LT	-	51.540.000
Công ty TNHH Thương mại Mạnh Hùng	-	11.353.000
Nguyễn Quốc Chính	-	14.900.000
Bùi Thị Bái	-	17.100.000
Hoàng Văn Dật	-	21.107.000
Trích trước tiền thưởng tết cho CBCNV	260.500.000	248.325.000
Chi phí lãi vay cá nhân	14.918.083	-
Tổng cộng	275.418.083	480.725.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	25.448.219	28.862.689
Phải trả phải nộp khác - Dư có TK 3388	40.828.000	234.828.000
Tiền mua cổ phần	-	200.000.000
Công ty TNHH Nhà nước MTV - NXB Hà Nội (Cổ tức 2014)	35.828.000	9.828.000
Lê Thị Bằng	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần In Hà Nội	-	20.000.000
Thù lao Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	9.600.000	-
Tổng cộng	75.876.219	263.690.689

22 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Doanh thu cho thuê Văn phòng	65.654.545	92.727.270
Công ty TNHH Phùng Gia phát Việt Nam	6.363.636	6.363.636
Công ty TNHH SX và TM Long Trà	-	77.272.725
Công ty TNHH Tài Tâm	50.200.000	-
Phạm Thị Hậu	9.090.909	9.090.909
Tổng cộng	65.654.545	92.727.270

23 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đỗ Thị Thu Trang	200.000.000	-
Lê Thị Hạnh	250.000.000	-
Nguyễn Kim Bằng	60.000.000	-
Phạm Thị Thu Hương	210.000.000	-
Phạm Văn Chuyên	100.000.000	-
Trần Thị Lan	100.000.000	-
Tổng cộng	920.000.000	-

Căn cứ theo các hợp đồng vay vốn cá nhân thời hạn từ 13 đến 18 tháng với lãi suất là 9%/năm mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh.

24 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	975.120	6.628.331
Tổng cộng	975.120	6.628.331

25 TĂNG, GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
	Đơn vị tính: VND			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.710.000.000	-	-	15.710.000.000
Các quỹ thuộc vốn CSH	309.397.035	-	-	309.397.035
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	1.788.076.137	831.838.895	1.788.076.137	831.838.895
Tổng cộng	17.807.473.172	831.838.895	1.788.076.137	16.851.235.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

25.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp năm 2016	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	13,15%	2.065.660.000	2.065.660.000
Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước	50,97%	8.007.600.000	8.007.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	35,88%	5.636.740.000	5.636.740.000
Tổng cộng	100,00%	15.710.000.000	15.710.000.000

25.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số đầu năm	1.788.076.137	1.188.346.603
Tăng trong năm	831.838.895	1.193.567.534
Lãi trong năm	831.838.895	1.193.567.534
Tăng khác	-	-
Giảm trong năm	(1.788.076.137)	(593.838.000)
Giảm khác	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	(1.788.076.137)	(593.838.000)
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	<i>(1.571.000.000)</i>	<i>(593.838.000)</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(217.076.137)</i>	-
Số cuối năm	831.838.895	1.788.076.137

25.3 Cổ tức

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	1.788.076.137
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i>	-	<i>1.788.076.137</i>
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:</i>	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

Ngày 29 tháng 07 năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc chia cổ tức năm 2014, 2015 tương ứng là 3,78 %/cổ phần và 6,22%/cổ phần (mệnh giá cổ phiếu).

25.4 Cổ phiếu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.571.000	1.571.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.571.000</i>	<i>1.571.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

26 DOANH THU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	11.490.912	22.299.546
Doanh thu bán các thành phẩm	11.560.311.053	15.421.127.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.191.922.724	4.119.763.180
Tổng cộng	15.763.724.689	19.563.189.875

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	8.422.450	16.279.994
Giá vốn bán các thành phẩm	11.663.481.167	15.050.874.366
Giá vốn cung cấp dịch vụ	92.209.356	92.209.356
Tổng cộng	11.764.112.973	15.159.363.716

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.874.872	14.180.558
Tổng cộng	7.874.872	14.180.558

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	27.264.376	-
Chi phí đi vay	745.904	-
Tổng cộng	28.010.280	-

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	1.244.474.704	1.154.592.705
Chi phí vật liệu	11.086.634	90.709.305
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.066.691	177.535.616
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.672.989	77.804.431
Thuế, phí và lệ phí	994.917.347	994.917.349
Chi phí dự phòng	(10.000.000)	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.525.432	22.472.727
Chi phí bằng tiền khác	559.122.705	528.114.936
Tổng cộng	3.243.866.502	3.036.147.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

31 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý phế liệu	102.047.456	148.680.544
Thu nhập khác từ kiểm kê	264.453.226	5.502.149
Khác	1.915.092	133.460.164
Tổng cộng	368.415.774	287.642.857

32 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh toán công nhật phế liệu	25.194.600	78.679.000
Chi khác	1.830.364	3.700.000
Phạt nộp chậm tiền BHXH	15.475.525	3.316.158
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	40.258.642
Tổng cộng	42.500.489	125.953.800

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	8.726.677.462	11.385.540.870
Chi phí nhân công	3.839.136.088	3.563.884.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	696.396.172	702.233.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.811.816	1.347.302.654
Chi phí khác bằng tiền	1.596.540.541	2.280.275.250
Tổng cộng	15.209.562.079	19.279.236.621

34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.061.525.091	1.543.548.705
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận chịu thuế	86.905.889	47.274.800
2.1 Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	86.905.889	47.274.800
3. Thu nhập tính thuế cả năm (3 = 1 + 2)	1.148.430.980	1.590.823.505
4. Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành (5 = 3 x 4)	229.686.196	349.981.171

35 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	831.838.895	1.193.567.534
2. Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
3. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3 = 1 + 2)	831.838.895	1.193.567.534
4. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.571.000	1.571.000
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5 = 3/4)	529,50	759,75

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

36 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Cổ đông sáng lập	744.524.728	1.003.650.077

37 SÓ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Cổ đông sáng lập	14.548.000	30.896.000
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
Nhà xuất bản Hà Nội (Cổ tức 2014)	Cổ đông sáng lập	35.828.000	9.828.000
Tổng Công ty ĐT&KD Vốn Nhà nước (Tiền cổ phần hóa)	Cổ đông sáng lập	-	200.000.000

38 THU NHẬP BAN GIÁM ĐỐC

	Chức vụ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc	68.816.778	71.829.872
Bà Phạm Thanh Phương	Phó Giám đốc	45.126.267	55.820.331
Bà Vũ Quế Anh	Phó Giám đốc	52.840.813	54.868.445
Ông Phạm Văn Hoan	Kế toán trưởng	54.402.754	55.887.212
Cộng		221.186.612	238.405.860

39 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37,19	32,58
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	62,81	67,42
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	29,76	18,87
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,24	81,13
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	3,36	5,30
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,43	1,73
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,07	0,15
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,73	7,89
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	5,28	6,10
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,42	7,03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

40 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan



Nguyễn Thành Sơn